

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ SỰ LỰA CHỌN HƯỚNG TIẾP CẬN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CHO KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

HUỲNH CẨM THANH (*)

Bài viết tập trung luận giải 3 vấn đề: 1) Phát triển bền vững với tư cách một vấn đề mang tính toàn cầu (các quan niệm khác nhau và quan niệm của tác giả bài viết); 2) Các hướng tiếp cận phát triển bền vững (sinh thái, hệ thống, kinh tế - xã hội, văn minh); 3) Quan điểm của tác giả bài viết về vấn đề lựa chọn hướng tiếp cận phát triển bền vững cho khu vực Đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam hiện nay.

Ở vị thế là vựa lúa, là khu vực nuôi trồng, chế biến thủy sản lớn nhất của cả nước, Đồng bằng sông Cửu Long có vai trò hết sức quan trọng đối với vấn đề an ninh lương thực và phát triển kinh tế - xã hội của cả nước. Tuy nhiên, những cảnh báo về tác động bất lợi của biến đổi khí hậu đối với khu vực là hết sức nghiêm trọng và sẽ trở thành hiện thực trong tương lai gần; ngoài ra, tình trạng ô nhiễm môi trường đất, nước do hoạt động sống và sản xuất của người dân trong vùng đang gây ảnh hưởng lớn đến sức khỏe và chất lượng cuộc sống của họ. Điều này tác động rất lớn đến việc phát triển kinh tế - xã hội và phát triển bền vững của vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Trong bài viết này, chúng tôi đề cập đến một số vấn đề về phát triển bền vững và sự lựa chọn hướng tiếp cận phát triển bền vững cho khu vực Đồng bằng sông Cửu Long ở nước ta hiện nay.

1. Phát triển bền vững là vấn đề mang tính toàn cầu

Thuật ngữ phát triển bền vững đã được tiếp cận và phát triển từ những năm đầu thập niên 80 của thế kỷ XX.

Năm 1980, các tổ chức như Hiệp hội Bảo tồn Thiên nhiên Thế giới (IUCN), Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP) và Quỹ Bảo vệ Thiên nhiên thế giới (WWF) đã đề ra “Chiến lược bảo tồn thế giới” (Conservation Strategy)(1). Trong chiến lược này, thuật ngữ *phát triển bền vững* (sustainable development) đã được đề cập, nhưng lại chỉ nhấn mạnh sự bền vững về sinh thái với ba mục tiêu về bảo tồn tài nguyên sinh vật. Năm 1987, thuật ngữ này được Ủy ban thế giới về môi trường và phát triển (World Commission Environment and Development - WCED - Ủy ban Brundtland) đưa ra trong Báo cáo “Tương lai chung của chúng ta” để biểu thị sự phát triển xã hội không phá hủy những điều kiện tự nhiên của tồn tại loài người, và được coi như là sự phản ứng lại đối với cuộc khủng hoảng toàn cầu của chủ nghĩa công nghiệp gắn liền với sự cạn kiệt đầy nguy hiểm của nguồn tài

(*) Thạc sĩ, Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp.

(1) <http://www.nssd.net>; World Conservation Strategy: Living Resource Conservation for Sustainable Development.

nguyên thiên nhiên, với sự suy thoái nghiêm trọng trạng thái môi trường sống và sự phân cực giàu và nghèo trên thế giới. Theo định nghĩa có trong Báo cáo nêu trên, “*Phát triển bền vững là sự phát triển thỏa mãn các nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm phương hại đến khả năng của các thế hệ tương lai trong việc thỏa mãn các nhu cầu của họ*”(2). Định nghĩa này bị phê phán do có tính không nhất quán vì dựa trên “chủ nghĩa con người là trung tâm”, coi nhẹ vấn đề cân bằng sinh quyển; ngoài ra, việc xác định nhu cầu cho thế hệ hiện tại cũng như tương lai là bất định, không thể lượng giá được. Hơn nữa, việc định ra những mục tiêu cho tương lai, tùy theo quan điểm của mỗi nước, nó nhằm đến những lợi ích khác nhau.

Năm 1992, tại Hội nghị Môi trường và phát triển của Liên hợp quốc (UNCED) tổ chức tại Rio de Janeiro (Brazil) – gọi tắt là Hội nghị Rio 1992, nội hàm khái niệm *Phát triển bền vững được diễn giải chi tiết với ba trụ cột*: kinh tế, xã hội và môi trường.

Đánh giá lại 10 năm thực hiện mục tiêu Hội nghị Rio 1992, tại Hội nghị thượng đỉnh Thế giới về phát triển bền vững (WSSD) được Liên hợp quốc tổ chức năm 2002 tại Johannesburg (Nam Phi)(3), khái niệm phát triển bền vững, một lần nữa, được mở rộng và củng cố, trong đó, đặc biệt nhấn mạnh các mối quan hệ giữa nghèo đói, môi trường và sử dụng tài nguyên thiên nhiên. Theo đó, ý nghĩa của phát triển bền vững được dịch chuyển sang việc khai thác mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và chất lượng môi trường(4).

Mới đây, năm 2012, tại Rio de Janeiro (Brazil), Hội nghị thượng đỉnh về phát

triển bền vững (Rio+20), với hai chủ đề chính là cải thiện khuôn khổ thể chế để phát triển bền vững và phát triển nền kinh tế xanh trong bối cảnh phát triển bền vững và xóa đói nghèo, đã thông qua văn bản chính trị có tên “Tương lai mà chúng ta mong muốn”. Trong Hội nghị, vấn đề gây tranh cãi lớn nhất là việc các nước lớn đòi hỏi trách nhiệm đồng đều về môi trường cho tất cả các nước, tức là không nhất trí với việc các nước giàu phải có trách nhiệm lớn hơn, trong khi chính họ, các nước lớn là người phải chịu trách nhiệm chính(5).

Như vậy, có thể nói, quá trình nghiên cứu và nhận thức về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, giữa kinh tế và môi trường đã dẫn đến sự hình thành quan điểm về phát triển bền vững với ba trụ cột là: kinh tế - xã hội - môi trường. Với tư cách một vấn đề mang tính toàn cầu, phát triển bền vững hiện đã trở thành chiến lược phát triển của toàn thế giới. Tuy nhiên, vấn đề môi trường trong phát triển bền vững, dù đã được quan tâm một cách đầy đủ, nhưng lại đang là công cụ để các nước phát triển mặc cả, thỏa hiệp. Điều này dẫn đến xu hướng tiếp cận phát triển bền vững theo *thế yếu* và trong nhiều trường hợp, yếu tố môi trường thường bị đánh đổi, hy sinh cho yếu tố kinh tế và phần thắng trong

(2) World Commission on Environment and Development (1987). *Our Common Future*. Oxford: Oxford University Press. p.27.

(3) <http://www.johannesburg.Summit.org>; UN 2002 Johannesburg Summit 2002.

(4) <http://ideas.repec.org>; Asefa. Sisay. 2005. The Concept of Sustainable Development: An Introduction. In: W.E.Upjohn Institute (ed) “The economics of Sustainable Development”. Michigan: Upjohn Press.

(5) <http://baodientu.chinhphu.vn/>, Nguyễn Chiến, Rio + 20 Cơ hội cho tương lai bền vững, 20/06/2012.

các cuộc tranh luận luôn thuộc về các nước mạnh.

2. Các hướng tiếp cận phát triển bền vững

Với ba trụ cột chính là kinh tế - xã hội - môi trường, tùy theo quan điểm và lợi ích của các nước và nhóm nước mà cuộc tranh luận về phát triển bền vững đã trải qua một số giai đoạn. Trong thế kỷ XX, vào những năm 70, vấn đề hạn chế tài nguyên cho sự tăng trưởng kinh tế và dân số được đặt lên hàng đầu. Sau đó, vào những năm 80, người ta đặt ra vấn đề gây ô nhiễm môi trường sống và nguy cơ khủng hoảng sinh thái toàn cầu; vào những năm 90, người ta ngày càng khẳng định quan điểm cho rằng phát triển bền vững có chiều cạnh xã hội quan trọng không kém, gắn liền với sự phân hóa giàu nghèo, những vấn đề, như thất nghiệp, lão hóa dân số và nợ quốc gia là gánh nặng đè lên vai các thế hệ tương lai. Tuy nhiên, với quan điểm cho rằng, quá trình toàn cầu hóa và chủ nghĩa tự do mới ở phương Tây sẽ giải quyết các vấn đề trên, nên sự quan tâm đến quan điểm phát triển bền vững do Báo cáo Brundtland đưa ra đã giảm xuống trong những năm 90.

Theo đó, phát triển bền vững lúc đầu được xem xét trong bối cảnh tìm kiếm câu trả lời cho thách thức sinh thái, nhưng kèm theo đó phải giải quyết một cách có hệ thống vô số vấn đề kinh tế, xã hội, dân số, khoa học - kỹ thuật, v.v. của nền văn minh hiện đại. Và vì thế, ngoài định hướng sinh thái, phát triển bền vững còn bao gồm cả các định hướng kinh tế và xã hội. Tuy nhiên, các trụ cột này thường được tiếp cận và xem xét thành những vấn đề riêng mà không khái quát chúng để tạo dựng một quan

điểm phương pháp luận thống nhất. Điều này đã dẫn đến chỗ là các công trình nghiên cứu về phát triển bền vững thường để lại ấn tượng rời rạc và không có hệ thống, không đủ sức thuyết phục và do vậy, đã gây ra sự phê phán từ các phương diện khác nhau.

Chúng ta có thể coi sự phát triển của bất kỳ hệ thống nào đó là bền vững, nếu nó giữ lại được bản chất bất biến nhất định của mình, không đe dọa đến đặc điểm mang tính nguyên tắc, quan hệ, giới hạn, tiểu hệ thống, thành tố thuộc bản chất của nó, nghĩa là không đe dọa đến những cái mang tính nội tại đối với phương diện tồn tại chủ yếu, tối đa của hệ thống. Quan niệm như vậy có thể được xem là phù hợp với quan niệm điều khiển học về bền vững và với sự hình thức hóa toán học của nó.

Ph.Ăngghen cho rằng, “một quan điểm đúng đắn về vũ trụ, về sự phát triển của vũ trụ và sự phát triển của loài người, cũng như về sự phản ánh của sự phát triển ấy vào trong đầu óc con người chỉ có thể có được bằng con đường biện chứng, với sự chú ý thường xuyên đến những tác động qua lại phổ biến giữa sự phát sinh và sự tiêu vong, giữa sự biến đổi tiến bộ và sự biến đổi thụt lùi”(6).

Với cách tiếp cận này đối với văn minh nói chung thì bền vững là cái đồng nghĩa với sự sống còn; do đó, bất kỳ nghiên cứu nào nhằm quy giản khái niệm này đều vấp phải những vấn đề phương pháp luận phức tạp. Cụ thể, sẽ xuất hiện không những các tiêu chí “bên trong” của riêng mình, mà còn xuất hiện cả các tiêu chí bên ngoài - từ lập trường của tiểu hệ

(6) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.20. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.39.

thống. Vì vậy, sự bền vững toàn cầu của nền văn minh không chỉ được quy định bởi sự tác động của các tiểu hệ thống và những thành tố của nó, mà còn cần phải quan tâm đến những vấn đề về sự bền vững của toàn bộ hệ thống.

Thực tiễn ở những nước nghèo, các nước đang phát triển cho thấy, khi lựa chọn hướng tiếp cận ưu tiên trong phát triển bền vững, thì thường là hướng tiếp cận kinh tế - xã hội được đặt lên vị trí ưu tiên hàng đầu. Và, để tiếp cận các nguồn vốn nhằm đẩy nhanh đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội, người ta thường chấp nhận hy sinh môi trường sinh thái như một sự lựa chọn bắt buộc.

Tuy nhiên, tiền đề của phát triển bền vững là sự ổn định sinh thái, nghĩa là việc bảo vệ các hệ thống sinh thái tự nhiên không bị hoạt động kinh tế của con người phá huỷ và là việc phục hồi các hệ thống sinh thái với quy mô cần thiết cho sự tồn tại của loài người, do vậy, phát triển bền vững được xác định là sự cải thiện chất lượng cuộc sống của con người trong phạm vi dung lượng hiện có của các hệ thống sinh thái đang duy trì.

Thế nhưng, để đạt tới sự ổn định sinh thái lại luôn cần đến sự phát triển bền vững về mặt kinh tế, không đạt được tăng trưởng và hiệu quả về kinh tế thì không thể có tiềm lực để giải quyết các vấn đề xã hội. Kinh tế được coi là bền vững với điều kiện giảm tối đa mức độ tiêu thụ các nguồn tài nguyên thiên nhiên không phục hồi được, thay thế chúng bằng các nguồn tài nguyên phục hồi được và phục hồi các nguồn tài nguyên này tới mức cần thiết cho việc bảo vệ môi trường sống trong trạng thái ổn định.

Hiện nay, chúng ta vẫn chưa có được một giải pháp có luận cứ khoa học cho việc xây dựng nền kinh tế hoàn toàn tương dung về mặt sinh thái. Nền kinh tế tương dung về mặt sinh quyển hiện vẫn thể hiện là một điều *không tưởng* và người ta vẫn chưa nhận thấy rõ các con đường và những cơ chế hình thành nó mà có thể làm thỏa mãn nền văn minh hiện tại và tương lai.

Như vậy, để đạt được sự phát triển bền vững theo đúng cả bản chất lẫn nghĩa đen của nó, chúng ta cần hình thành chiến lược phát triển mới, trong đó có sự hợp nhất dần dần các lĩnh vực hoạt động kinh tế, sinh thái và xã hội thành một hệ thống tự tổ chức thống nhất. Với nghĩa đó thì phát triển bền vững cần được đặc trưng bởi hiệu quả kinh tế, tính tương dung sinh quyển, sự công bằng xã hội mà đương nhiên, nhờ đó, có thể giảm được sức ép nhân tạo chung đối với sinh quyển.

Thế kỷ XXI có thể là một bước ngoặt trong lịch sử văn minh nhân loại, bởi mâu thuẫn cơ bản của nó - loài người tồn tại hay không tồn tại - có thể được giải quyết trong suốt thế kỷ này. Bước chuyển sang phát triển bền vững cần phải loại bỏ mâu thuẫn này một cách có lợi nhất cho sự phát triển liên tục tiếp theo của nền văn minh nhân loại, nhưng đó phải là sự phát triển dưới hình thức đã biến đổi - hình thức tương dung về mặt sinh thái, không những không phá huỷ môi trường sống tự nhiên, mà còn thể hiện ra như cái nội tại tự nhiên của bất kỳ sự sống nào, kể cả sự sống có lý tính.

Bản chất toàn cầu của phát triển bền vững không những quy định sự

cần thiết phải chuyển sang một chiến lược văn minh mới của các quốc gia trong suốt thế kỷ XXI, mà còn quy định sự tăng cường đáng kể các xu hướng liên kết trong cộng đồng thế giới. Thậm chí, có thể nói, bắt đầu cùng với bước chuyển sang phát triển bền vững là thời đại liên kết toàn cầu giữa các quốc gia và các chủ thể khác của quá trình thế giới đang đứng trên các trình độ phát triển khác nhau. Bất chấp sự khác nhau về trình độ phát triển kinh tế - xã hội, về đặc điểm chính trị, sắc tộc, văn hóa, v.v., tất cả các quốc gia trên hành tinh đều có thể đồng thời tham gia vào quá trình toàn cầu như một sự đảm bảo cho sự sống còn của toàn bộ loài người và bảo vệ sinh quyển trong thiên niên kỷ tới.

Khó khăn lớn nhất của việc liên kết toàn cầu để có thể thực hiện tổng thể các vấn đề về phát triển bền vững là lòng tin và ý thức trách nhiệm của tất cả các nước. Qua các Hội nghị thượng đỉnh về phát triển bền vững và biến đổi khí hậu vừa qua, điều khiến cho các nước đang phát triển mất lòng tin vào triển vọng phát triển bền vững là ý thức trách nhiệm của các nước công nghiệp phát triển, là sự thiếu thiện chí hoặc tìm cách biến các thỏa thuận chung thành những điều khoản thiếu tính ràng buộc.

Do vậy, theo chúng tôi, mỗi quốc gia không nên quá trông chờ vào thiện chí của các nước lớn, mà cần tự chủ, tích cực, chủ động hơn nữa trong việc tìm hướng tiếp cận phát triển bền vững cho riêng mình, mặc dù về nguyên tắc, để giải quyết vấn đề này đòi hỏi phải có nỗ lực chung toàn cầu.

3. Vấn đề chọn hướng tiếp cận phát triển bền vững cho khu vực Đồng bằng sông Cửu Long

Trên cơ sở nhận thức ý nghĩa, tầm quan trọng và thực hiện các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên, chúng ta đã rất tích cực triển khai các hoạt động định hướng phát triển bền vững và chống biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, với tiềm lực hiện có, chúng ta sẽ gặp rất nhiều khó khăn.

Trước hết, những vấn đề mang tính xã hội, như xóa đói giảm nghèo bền vững, vấn đề “dân số vàng” vừa là cơ hội, vừa là thách thức và sự cần thiết phải giải quyết vấn đề việc làm cho số đông những người đến tuổi lao động,... buộc chúng ta không có lựa chọn nào khác ngoài ưu tiên tăng trưởng kinh tế.

Trong một thời gian dài, để nâng cao thu nhập và giải quyết các vấn đề xã hội, dường như vấn đề kinh tế là lựa chọn ưu tiên và mọi định hướng tiếp cận đều nhằm vào việc thực hiện tăng trưởng kinh tế. Dù hiện nay, chúng ta đã đạt được một số thành tựu nhất định trong lĩnh vực này và chuyển hướng sang phát triển kinh tế theo định hướng bền vững, nhưng chiến lược phát triển quốc gia vẫn được tập trung vào kinh tế nhằm thoát khỏi “bẫy thu nhập trung bình” của một quốc gia. Một vấn đề hiện đang thu hút sự quan tâm của các tỉnh, thành là chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) do phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Dự án Sáng kiến cạnh tranh Việt Nam thuộc Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID/VNCI) thực hiện từ 2005. Mục tiêu của PCI “không nhằm để biểu dương những tỉnh xếp hạng cao hoặc phê bình những tỉnh xếp hạng thấp. Thay vào đó, chỉ số PCI

cố gắng cung cấp những thông tin hữu ích cho lãnh đạo các tỉnh, thành phố, giúp họ xác định được lĩnh vực và cách thức cải cách điều hành kinh tế hiệu quả nhất”(7). Các chỉ số được đưa vào đánh giá chủ yếu hướng vào thúc đẩy năng lực điều hành kinh tế, còn vấn đề môi trường và phát triển bền vững hầu như không được quan tâm.

Quá trình toàn cầu hóa tạo nhiều thuận lợi cho việc gia nhập thị trường thế giới và đẩy mạnh xuất khẩu, nhưng đồng thời, khủng hoảng kinh tế thế giới cũng nhanh chóng ảnh hưởng đến các lĩnh vực hoạt động liên quan đến xuất khẩu, ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Biến đổi khí hậu đang tác động đến nước ta với tư cách chúng ta vừa là “nạn nhân” lại vừa là chủ thể phải giải quyết hậu quả của nó. Trong quá trình chọn định hướng ưu tiên kinh tế, dĩ nhiên chúng ta cũng “góp phần” phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính, nhiều khu vực rừng bị phá hủy, kể cả rừng phòng hộ... Do vậy, chúng ta phải vừa giải quyết “hậu quả” của chính mình, vừa phải gánh phần “hậu quả” của người khác.

Trong thời gian qua, Đảng ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách liên quan đến việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Trong Văn kiện Đại hội VIII, Đảng ta nhận định *bảo vệ môi trường là vấn đề mang tính toàn cầu*(8). Tại Đại hội XI, vấn đề môi trường trở thành mục tiêu hàng đầu trong 8 phương hướng cơ bản của mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta: *Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên môi trường*(9). Để thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 – 2020, Đảng ta đề ra năm quan

điểm phát triển, trong đó nhấn mạnh: *Phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững, phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt của chiến lược*(10). Thực hiện Nghị quyết Đại hội XI, Hội nghị Trung ương 7 đã ra Nghị quyết “Về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường”, trong đó nhấn mạnh quan điểm: “Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường là những vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, có tầm ảnh hưởng lớn, quan hệ, tác động qua lại, cùng quyết định sự phát triển bền vững của đất nước; là cơ sở, tiền đề cho hoạch định đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội”(11). Trên phương diện nhà nước, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030(12).

Đồng bằng sông Cửu Long với những lợi thế thuận lợi cho phát triển nông nghiệp đã trở thành chỗ dựa cho vấn đề an ninh lương thực cả nước. Nhưng cũng chính nông nghiệp với hiệu quả thấp, diện tích sản xuất ngày một thu hẹp do quá trình đô thị hóa và việc hình thành các khu kinh tế tập trung, khu công

(7) <http://www.vcci.com.vn>, Tổng quan PCI.

(8) Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới* (Đại hội VI, VII, VIII, IX). Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.463.

(9) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.26.

(10) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Sđd.*, tr.30.

(11) Báo Nhân dân, số ra ngày 6 - 6 - 2013, tr.3.

(12) Thủ tướng chính phủ, Quyết định số 1216/QĐ-TTg, ngày 05/09/2012: Phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

ng nghiệp đã dẫn đến tình trạng một lượng lớn người dân không đủ đất sản xuất hoặc không có đất sản xuất. Đây là một lực lượng góp phần vào đội ngũ những người lao động phục vụ cho các khu vực phi nông nghiệp, đồng thời tạo ra nhiều áp lực cho các vấn đề về an sinh xã hội, tạo việc làm.

Đối với khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, nhiều chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường cho toàn vùng và từng địa phương đã được ban hành. Chính phủ đã ban hành các Quyết định “*Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020*”(13); “*Phê duyệt quy hoạch phát triển giao thông vận tải Vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030*”(14); “*Phê duyệt Quy hoạch xây dựng khu xử lý chất thải rắn Vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020*”(15). Riêng về vấn đề môi trường, hiện vẫn chưa có đánh giá môi trường toàn vùng mà thường được kết hợp trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội toàn vùng và từng tỉnh, thành.

Do vậy, vấn đề đặt ra là nên lựa chọn hướng tiếp cận nào cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong việc thực hiện các mục tiêu của phát triển bền vững. Theo chúng tôi:

Trước hết, giải quyết các vấn đề của phát triển bền vững cần tiếp cận theo quan điểm hệ thống, liên ngành, trong đó có sự lựa chọn hướng tiếp cận ưu tiên và tiếp cận mục tiêu đồng thời (tiếp cận song song). Ví dụ, khi chọn tăng trưởng kinh tế là ưu tiên thì phải đồng thời với việc giữ nguyên

trạng về môi trường và do vậy, cần xiết chặt các quy định về đánh giá tác động môi trường ngay từ khi doanh nghiệp bắt đầu đầu tư, không để xảy ra hậu quả về môi trường mới xử lý như thời gian qua.

Thứ hai, với ưu thế về sản xuất nông nghiệp, trong thời gian qua, nhiều địa phương trong vùng không ngừng mở rộng sản xuất vụ Thu - Đông (vụ ba) và để thực hiện điều đó, hệ thống đê bao khép kín nhằm thực hiện mục tiêu chung sống với lũ đã dẫn đến nhiều hậu quả khôn lường: Một là, đất không nhận lượng phù sa cần thiết khi lũ về nên nhanh chóng bị bạc màu; hai là, phải sử dụng một lượng lớn phân hóa học và thuốc nông được gây nhiễm độc chất vô cơ và hữu cơ cho đất và môi trường sống, đầu độc các dòng sông; ba là, về thực chất, vụ lúa này chỉ tăng lượng lương thực nhưng hiệu quả kinh tế thấp, bấp bênh. Do đó, cần nên xem lại cơ cấu mùa vụ và quy hoạch hệ thống đê bao cũng như huấn luyện tập quán canh tác của người dân.

Thứ ba, quá trình đô thị hóa đang diễn ra với một tốc độ cao, hầu hết hệ

(13) Công báo số 467+468; Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020; ngày 31/07/2012, tr. 79 - 100.

(14) <http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban>; Quyết định số: 432/QĐ-TTg ngày 12/04/2012 của Thủ tướng chính phủ “Phê duyệt quy hoạch phát triển giao thông vận tải Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030”.

(15) <http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban>; Quyết định 1873/QĐ-TTg ngày 11/10/2010 của Thủ tướng chính phủ “Phê duyệt Quy hoạch xây dựng khu xử lý chất thải rắn Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020.

thống các quy hoạch đều chưa chú ý đến tác động của biến đổi khí hậu; do vậy, cần định hướng lại không gian phát triển, cao trình các cơ sở hạ tầng và công trình xây dựng. Một vấn đề khác, tập trung dân cư sẽ phải giải quyết một loạt các vấn đề, như rác thải dân cư và công nghiệp, giải quyết các vấn đề về đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.

Thứ tư, đối với các vùng cửa sông và ven biển thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long sẽ đồng thời chịu tác động kép về biến đổi khí hậu; trong đó, vừa phải giải quyết hậu quả do nước biển dâng, vừa phải, đồng thời đối phó với việc xây dựng một loạt hệ thống hồ chứa và thủy điện trên dòng chính sông Mê Kông của các nước trên thượng nguồn đang chi phối lưu lượng nước cũng như sự giảm sút lượng nước vào mùa khô làm cho diện tích đất ngập nước và xâm ngập mặn nhiều hơn. Do đó, ngoài việc tính đến cao trình của các đê và cống ven biển, còn phải tính đến quy hoạch nuôi trồng thủy sản và sản xuất nông nghiệp phù hợp với các tác động này.

Thứ năm, khác với quy hoạch về kinh tế - xã hội có thể thực hiện cho từng khu vực cụ thể, đối với những vấn đề về môi trường và sinh thái cần phải thực hiện quy hoạch và quản lý thực hiện quy hoạch mang tính liên vùng. Do vậy, cần có sự đánh giá hiện trạng môi trường và triển khai xây dựng quản lý môi trường chiến lược cấp toàn vùng và liên khu vực; trong đó, điểm kết nối của các quy hoạch này là các lưu vực sông. Ví dụ như, lưu vực sông Tiền, sông Hậu, sông Vàm Cỏ,...

Thứ sáu, kiên quyết bảo vệ các khu dự trữ sinh quyển, các khu Ramsar; đồng thời, bảo vệ diện tích rừng được, rừng tràm còn lại trong khu vực; nghiêm cấm việc chặt phá rừng nhằm mục đích nuôi trồng thủy sản cũng như sản xuất nông nghiệp.

Thứ bảy, quy hoạch cụ thể khu vực khai thác cát sông, hạn chế tối đa việc khai thác tràn lan gây chuyển đổi dòng chảy và xoáy lở bờ sông, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất và địa bàn cư trú, đường giao thông của các địa phương.

Tác động của biến đổi khí hậu đã, đang và sẽ còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững cho khu vực này. Do vậy, theo chúng tôi, cần chọn hướng tiếp cận theo quan điểm hệ thống, liên ngành; đối với việc giải quyết các vấn đề về môi trường thì cần thực hiện quy hoạch và quản lý quy hoạch theo cấp vùng và liên vùng, trong đó lấy lưu vực các sông làm điểm kết nối. Giải quyết các vấn đề về tăng trưởng kinh tế, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường cần chọn hướng tiếp cận mục tiêu đồng thời; khi đặt mục tiêu về tăng trưởng kinh tế, cần đảm bảo giữ nguyên trạng môi trường thông qua việc thiết lập và kiểm soát nghiêm ngặt việc thực hiện cam kết về bảo vệ môi trường. Không nên quá chú trọng việc xếp hạng PCI, bởi các thông số của chỉ số này không đề cập đến các yếu tố về bảo vệ môi trường, điều này có thể dẫn đến tư tưởng tập trung mọi ưu tiên cải cách thể chế nhằm vào kinh tế mà quên ảnh hưởng môi trường □